

Số/No.: 20231020/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission of Vietnam*
To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*
Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ *Authorized Participants/ Investors*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2023
Ho Chi Minh City, October 20, 2023

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 19/10/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ *Unit*: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the creation basket as follow:*

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I. Chứng khoán/ Securities			
1	ACB	4,300	9.25%
2	AGR	100	0.15%
3	BID	300	1.17%
4	BMI	100	0.22%
5	BSI	100	0.37%
6	BVH	100	0.40%
7	CTG	900	2.49%
8	CTS	100	0.23%
9	EIB	1,900	3.14%
10	EVF	500	0.58%
11	FTS	200	0.81%
12	HCM	300	0.82%
13	HDB	2,700	4.62%
14	LPB	2,600	3.55%
15	MBB	3,700	6.41%
16	MIG	100	0.16%
17	MSB	2,400	3.08%
18	OCB	1,400	1.65%
19	ORS	200	0.31%
20	SHB	3,700	3.75%
21	SSB	1,800	4.34%
22	SSI	1,400	4.31%
23	STB	2,500	7.24%
24	TCB	3,000	9.15%
25	TPB	1,700	2.69%
26	TVS	100	0.20%
27	VCB	800	6.70%
28	VCI	400	1.46%
29	VDS	100	0.15%
30	VIB	1,700	3.06%
31	VIX	900	1.30%
32	VND	1,200	2.36%
33	VPB	6,200	13.61%
II. Tiền/ Cash			
	Tiền/ Cash (VND)	2,707,519	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: (VND) 1,022,380,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: (VND) 1,025,087,519
- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value*: (VND) 2,707,519



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	22,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	40,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	38,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
4	BVH	40,850	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	MBB	17,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MSB	13,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TCB	31,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	VCB	85,900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
9	VCI	37,500	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
10	VIB	18,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	19/10/2023	18/10/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	28,000,000	28,000,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	10,320.00	10,320.00	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	287,024,505,399	290,086,905,163	(3,062,399,764)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,025,087,519	1,036,024,661	(10,937,142)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	10,250.87	10,360.24	(109.37)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,771.57	1,807.92	(36.35)

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 18/10/2023 / *Item 5 is net asset value at 18/10/2023*
 (***) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 17/10/2023 / *Item 5 is net asset value at 17/10/2023*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Yun Hang Jin
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN